TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CĐ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-ST
Ngày: 31-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trọng Hiếu

2. Bà Hồ Thị Đoan Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2021/TLST- DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L 1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp 2, xã L C, huyện CĐ, tỉnh Long An (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng L 2, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp 2, xã L C, huyện CĐ, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2021 cùng các lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần thị L 1 trình bày: Trước đây chị Nguyễn Thị Hồng L 2 là con dâu của bà, chị L 2 là vợ của con trai bà là anh Hồ Thanh T, anh T và chị L 2 đã ly hôn với nhau vào năm 2019. Khi chị L 2 và anh T còn chung sống với nhau thì bà có cho chị L 2 và anh T vay số tiền 260.000.000đồng, không tính lãi xuất. Khi anh T và chị L 2 ly hôn, tại biên bản hòa giải ngày 13/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện CĐ, chị L 2 và anh T đều thừa nhận có vay của bà số tiền 260.000.000đồng và thỏa thuận anh T trả cho bà số tiền vay 100.000.000đồng, chị L 2 trả cho bà số tiền vay 160.000.000đồng, vì thương chị L 2 nên bà không làm thủ tục khởi kiện mà để chị L 2 trả dần bên ngoài. Nhưng đến nay chị L 2 vẫn không trả nợ cho bà, bà có gọi điện đòi nhiều lần, lần nào chị L 2 cũng hứa trả mà vẫn không thực hiện.

Nay bà yêu cầu chị L 2 phải trả cho bà số tiền vay là 160.000.000đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng L 2, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật để cho chị L 2 biết thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nhưng chị L 2 vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng L 2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị L 2 vẫn không đến Tòa án. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L 2.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị L 1 khởi kiện chị Nguyễn Thị Hồng L 2 là vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L 1: Bà L 1 khởi kiện yêu cầu chị L 2 trả số tiền gốc vay là 160.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

[4] Đối với yêu cầu trả tiền gốc vay: Căn cứ vào " Biên bản hòa giải ngày 13/12/2019 của Tòa án khi giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Hồ Thanh T và chị Nguyễn Thị Hồng L 2" do bà L 1 cung cấp thì anh T và chị L 2 đều thống nhất có nợ tiền vay của bà L 1 số tiền 260.000.000đồng, anh T sẽ trả cho bà L 1 số tiền vay 100.000.000đồng, chị L 2 sẽ trả cho bà L 1 số tiền vay 160.000.000đồng, do bà L 1 không làm thủ tục khởi kiện nên Tòa án chỉ ghi nhận trong biên bản hòa giải. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị L 2 vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chị L 2 đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, có căn cứ xác định chị L 2 có vay của bà L 1 số tiền 160.000.000đồng nên cần buộc chị L 2 phải có trách nhiệm trả cho bà L 1 số tiền vay 160.000.000đồng.

[5] Về lãi suất: bà L 1 không yêu cầu chị L 2 phải trả lãi nên không đề cập.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc chị L 2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà L 1. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà L 1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, Điều 228, 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L 1 đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng L 2 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng L 2 có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị L 1 số tiền vay gốc là 160.000.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng L 2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000đồng. Hoàn trả cho bà Trần Thị L 1 4.000.000đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0009690 ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CĐ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Hải – Nguyễn Ngọc Thi	**Nguyễn Ngọc Thám**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thám

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thám

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Long An
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Cẩm Hồng